

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-9-2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Trang;
2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 15, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh N; nơi cư trú hiện nay: Tổ 08, ấp X, xã P, huyện C, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thanh S, sinh năm 1992; cư trú tại: Tổ 15, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh S tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2013 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh S không phụ giúp kinh tế với chị, không có trách nhiệm với gia đình, có nhiều lời nói xúc phạm chị và gia đình chị, ngoài ra anh S còn hăm dọa đánh chị. Vào năm 2017 chị đã nộp đơn đến tòa án yêu cầu ly hôn với

anh S, sau đó được gia đình động viên hòa giải nên chị rút đơn kiện về việc ly hôn với anh S. Tuy nhiên, đến nay anh S vẫn không thay đổi, nên vợ chồng tuy sống cùng nhà với nhau nhưng sinh hoạt riêng, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với anh S, nên yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013, hiện đang sống với anh S. Chị giao con chung cho anh S nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tố N về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do trước đây khi vợ chồng cãi nhau, anh có lời lẽ xúc phạm chị N cùng gia đình chị N và có đe dọa chị N. Tuy nhiên, sau khi được gia đình hai bên hòa giải thì vợ chồng chung sống hòa thuận, đến khoảng năm 2017 không biết lý do gì tuy sống chung nhà với nhau nhưng chị N sinh hoạt riêng, không quan tâm đến anh và sau đó gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị N và thương con, nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung. Anh yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Tố N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh S; về con chung, chị giao con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho anh S nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Thanh S đồng ý ly hôn với chị N; về con chung anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho anh Lê Thanh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tố N **cấp dưỡng** nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2013 theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh S do anh S không có trách nhiệm với gia đình, có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị; đồng thời anh S cũng có hành vi đe dọa đánh chị. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh S. Tại phiên tòa, anh S đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S có 01 con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013, hiện đang sống với anh S. Quá rình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N và anh S tự thỏa thuận giao con chung cho anh S trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị N không **cấp dưỡng nuôi con**. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị N và anh S là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2013 cho anh Lê Thanh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tố N **cấp dưỡng** nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Tố N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Lê Thanh S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tố N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005425 ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tố N, anh Lê Thanh S có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

